

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 27-02-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền.

Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Thất Quý và ông Võ Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Long, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 08/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 15/02/2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc N, sinh ngày: 16/10/1994 tại tỉnh T; nơi thường trú: Số 53 Trần Huy L, phường Đ, thành phố H, tỉnh T; nơi ở hiện nay: Dãy nhà H27 B, phường S, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Trần T, sinh năm 1956; mẹ: Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1959; Chồng, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

*** Về nhân thân:**

Ngày 24/4/2017 bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (theo Quyết định số 16931).

Ngày 17/01/2019 bị Công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 2.250.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (theo Quyết định số 5375).

Ngày 30/9/2019 bị Công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (theo Quyết định số 3110).

Bị tạm giữ từ ngày 20/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 26/10/2023, đến ngày 02/01/2024 được thay đổi từ biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có ma túy sử dụng nên khoảng 11 giờ ngày 19/10/2023, Trần Thị Ngọc N đến khu vực chung cư S, phường S, thành phố H gặp một nam thanh niên tên "L" (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) để hỏi mua 2.000.000 đồng ma túy. Người này đồng ý và bán cho N 50 viên ma túy loại hồng phiến. Sau khi có ma túy, N bắt xe ôm về nhà tại 53 Trần Huy L, phường Đ, thành phố H. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày N mang theo toàn bộ số ma túy mua được đến khu vực nhà hoang gần nhà của N rồi lấy ra sử dụng hết 05 viên ma túy, loại hồng phiến, số ma túy còn lại N để cạnh vị trí N ngồi sử dụng ma túy. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 19/10/2023, tại khu vực nhà hoang số 53 Trần Huy L, phường Đ, thành phố H, tỉnh T, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phối hợp Công an phường Đ, thành phố H phát hiện bắt quả tang Trần Thị Ngọc N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ tại vị trí N đang ngồi một gói ni lông màu trắng viên đỏ bên trong có chứa 45 viên nén màu đỏ, theo N khai nhận đó là ma túy tổng hợp dạng hồng phiến, N mua và cất giấu nhằm mục đích để bản thân sử dụng. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Trần Thị Ngọc N. Kết quả Trần Thị Ngọc N dương tính với chất ma túy.

Đối với đối tượng bán ma túy cho N, do không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

01 (một) gói ni lông màu trắng viên đỏ bên trong có chứa 45 (bốn mươi lăm) viên nén màu đỏ;

* Tại kết luận giám định số 664/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

“45 (Bốn mươi lăm) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định có tổng khối lượng là 4,5712g (bốn phẩy năm bảy một hai gam), là ma túy, loại Methamphetamine.”

Sau khi giám định, Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế tiếp tục tạm giữ, gồm:

+ 4,3712g (Bốn phẩy ba bảy một hai gam) mẫu bột được nghiền từ 45 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định;

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần N, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Lê N, 02 (hai) dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Thị Ngọc N, bắt ngày 19/10/2023”.

** Về xử lý vật chứng:*

Đối với số ma túy hoàn lại sau khi giám định (đã được đóng gói, niêm phong) nêu trên hiện đang tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSTPH ngày 08 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.
- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại sau khi đã giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong.
- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 19/10/2023, tại khu vực nhà hoang gần nhà số 53 đường Trần Huy L, phường Đ, thành phố H, tỉnh T, Trần Thị Ngọc N đang cất giữ tại vị trí mình ngồi 4,5712g ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Trần Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo phạm vào tội nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người và góp phần làm tăng các vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vào tháng 4/2017 và tháng 01/2019, “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào tháng 9/2019; không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích, đánh giá trên xét thấy cần xử phạt bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo để giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

[4] Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại đã qua giám định là chất cấm lưu hành và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong do không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên ban hành

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Thị Ngọc N 02 (hai) năm tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2023 đến ngày 02/01/2024. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành bản án này.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 4,3712g mẫu bột được nghiền từ 45 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định, các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 chữ ký của Điều tra viên Lê Nam, 02 dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Thị Ngọc N, bắt ngày 19/10/2023”.

Vật chứng trên được xác định theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải chịu 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Chi cục THAHS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền

